TRƯỜNG THPT
DƯƠNG VĂN DƯƠNG
TỔ: ĐỊA LÍ

Số: ...../KH.TN&HN-DVD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21tháng 05 năm 2024

KẾ HOẠCH

ÔN TẬP -KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ LẠI KHỐI 10

+ Căn cứ Kế hoạch giáo dục năm học 2023-2024 trường THPT Dương Văn Dương.

+ Căn cứ Kế hoạch kiểm tra đánh giá lại của trường THPT Dương Dương năm 2023-2024.

Tổ Địa lí lập kế hoạch ôn tập -kiểm tra đánh giá lại năm học 2023-2024 như sau:

I. MỤC ĐÍCH

- Củng cố nội dung trọng tâm chương trình Địa lí khối 10, học kỳ 02.
- Rèn luyện các kỹ năng xử lý số liệu thống kê và kỹ năng vẽ biểu đồ.
- Tạo điều kiện cho học sinh được kiểm tra đánh giá lại nội dung kiến thức Địa lí học kỳ 2, do không đủ điểm điều kiện hoặc học sinh lựa chọn môn kiểm tra lại.

II. NỘI DUNG ÔN LUYỆN (PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)

1. Phần kiến thức cơ bản về địa lí các ngành kinh tế, Địa lí dân cư .. thế giới.
2. Phần kỹ năng nhận xét và xử lý số liệu thống kê.
3. Phần kỹ năng vẽ biểu đồ.

III. CẤU TRÚC RA ĐỀ VÀ BẢNG ĐẶC TẢ (PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM)

IV. PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

Họ tên giáo viên	Nội dung	Thời gian thực hiện
Cô Nguyễn Ngọc Phương	- Biên soạn nội dung ôn tập theo chuẩn kiến thức kỹ năng Địa lí 10 (sách giáo khoa Cánh Diều). -Lập bảng Đặc tả ra đề kiểm tra đánh giá lại Địa lí 10 HK2. - Chấm đánh giá lại bài kiểm tra của học sinh.	25/5/2024 Theo lịch nhà trường.
Cô Trần Thanh Ngân	Biên soạn đề, làm Ma trận chấm.	5/6/2024

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH
TTCM

Nguyễn Ngọc Phương

DUYỆT CỦA BGH

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ LẠI NĂM HỌC 2023-2024
MÔN ĐỊA LÍ- KHỐI : 10

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

Câu 1. Đặc điểm của ngành dịch vụ là
A. sản phẩm phần lớn là phi vật chất. **B.** sự tiêu dùng xảy ra trước sản xuất.
C. nhiều loại sản phẩm lưu giữ được. **D.** hầu hết các sản phẩm đều hữu hình.

Câu 2. Phát biểu nào sau đây ***không*** đúng về hoạt động thương mại?
A. Vật ngang giá dùng để đo giá trị của hàng hóa, dịch vụ.
B. Thị trường là nơi gặp gỡ giữa người bán và người mua.
C. Thị trường không phải hoạt động theo quy luật cung cầu.
D. Hàng hóa là sản phẩm, dịch vụ trao đổi trên thị trường.

Câu 3. Ngành công nghiệp năng lượng gồm
A. khai thác than, khai thác dầu khí, thuỷ điện. **B.** khai thác than, khai thác dầu khí, nhiệt điện.
C. khai thác than, khai thác dầu khí, điện lực. **D.** khai thác than, khai thác dầu khí, điện gió.

Câu 4. Sản phẩm nào sau đây thuộc vào lĩnh vực hoạt động viễn thông?
A. Bưu phẩm. **B.** Internet. **C.** Điện tín. **D.** Thư báo.

Câu 5. Sự phân bố các ngành dịch vụ tiêu dùng thường gắn bó mật thiết với
A. trung tâm công nghiệp. **B.** ngành kinh tế trọng điểm.
C. sự phân bố dân cư. **D.** ngành kinh tế mũi nhọn.

Câu 6. Cơ cấu sử dụng năng lượng hiện nay có sự thay đổi theo hướng tập trung tăng tỉ trọng
A. năng lượng mới. **B.** than đá. **C.** dầu khí. **D.** củi gỗ.

Câu 7. Trữ lượng dầu mỏ trên thế giới tập trung lớn nhất ở
A. Bắc Mỹ. **B.** Tây Âu. **C.** Mỹ La-tinh. **D.** Trung Đông.

Câu 8. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp là một bộ phận của
A. cơ cấu thành phần kinh tế. **B.** tốc độ tăng trưởng kinh tế.
C. cơ cấu kinh tế theo ngành. **D.** tổ chức lãnh thổ nền kinh tế.

Câu 9. Ngành nào sau đây ***không*** thuộc công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng?
A. Da - giày. **B.** Dệt - may. **C.** Rượu, bia. **D.** Nhựa.

Câu 10. Loại phương tiện vận tải nào phối hợp tốt với tất cả các loại phương tiện vận tải khác?
A. Đường thủy. **B.** Đường hàng không. **C.** Đường sắt. **D.** Đường ô tô.

Câu 11. Giao thông vận tải là ngành kinh tế
A. chỉ có mối quan hệ với công nghiệp. **B.** có sản phẩm hầu hết đều phi vật chất.
C. không làm thay đổi giá trị hàng hóa. **D.** không trực tiếp sản xuất ra hàng hóa.

Câu 12. Đặc điểm chủ yếu của ngành viễn thông là
A. vận chuyển những tin tức, truyền dẫn các thông tin điện tử.
B. luôn có sự gặp gỡ trực tiếp giữa người tiêu dùng với nhau.
C. liên quan trực tiếp đến các tầng khí quyển và những vệ tinh.
D. sử dụng phương tiện, các thiết bị có sẵn ở trong không gian.

Câu 13. Thương mại là hoạt động
A. nhận tiền kí gửi và cung cấp các khoản vay.
B. trao đổi hàng hoá giữa bên bán và bên mua.
C. phân phối giá trị các sản phẩm bằng tiền tệ.
D. sản xuất hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu.

Câu 14. Các ngành công nghiệp nào sau đây phải gắn với đội ngũ lao động kĩ thuật cao, công

nhân lành nghề?

A. Thực phẩm, điện tử - tin học, cơ khí chính xác.

B. Kĩ thuật điện, điện tử - tin học, cơ khí chính xác.

C. Dệt - may, kĩ thuật điện, hoá dầu, luyện kim màu.

D. Da - giày, điện tử - tin học, vật liệu xây dựng.

Câu 15. Sản phẩm của công nghiệp luyện kim màu là

A. ti tan. **B.** nhôm. **C.** sắt. **D.** mangan.

Câu 16. Khu vực nào có cơ cấu ngành hết sức phức tạp?

A. Dịch vụ **B.** Công nghiệp **C.** Xây dựng. **D.** Nông nghiệp.

Câu 17. Ngành công nghiệp nào thường gắn chặt với nông nghiệp

A. chế biến thực phẩm. **B.** hóa chất. **C.** năng lượng. **D.** cơ khí.

Câu 18. Ngành công nghiệp nào sau đây ***không*** cần nhiều lao động?

A. Dệt - may. **B.** Giày - da. **C.** Thực phẩm. **D.** Thủy điện.

Câu 19. Thương mại gồm những hoạt động nào sau đây?

A. Bên mua và bên bán. **B.** Xuất khẩu và nhập khẩu.

C. Tài chính và ngân hàng **D.** Nội thương và ngoại thương.

Câu 20. Trong cơ cấu sản lượng điện của thế giới hiện nay, ngành chiếm tỉ trọng cao nhất là

A. than đá. **B.** nguyên tử, thủy điện.

C. các nguồn năng lượng tự nhiên. **D.** củi gỗ.

Câu 21. Ngành ngoại thương có đặc điểm là

A. hợp tác sản xuất các mặt hàng xuất khẩu.

B. liên kết thị trường các vùng trong một nước.

C. trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.

D. gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới.

Câu 22. Ngành công nghiệp nào sau đây được coi là thước đo trình độ phát triển kinh tế - kĩ thuật của mọi quốc gia trên thế giới

A. cơ khí. **B.** hóa chất. **C.** điện tử - tin học. **D.** năng lượng.

Câu 23. Ngành công nghiệp nào sau đây thường được phát triển ở nơi có dân cư đông

A. hóa chất. **B.** năng lượng. **C.** cơ khí. **D.** sản xuất hàng tiêu dùng.

Câu 24. Mạng lưới sông ngòi dày đặc thuận lợi cho ngành giao thông đường

A. ô tô. **B.** sắt. **C.** biển. **D.** sông.

Câu 25. Ngành công nghiệp mở đầu cho cuộc cách mạng công nghiệp của thế giới là

A. dệt. **B.** năng lượng. **C.** cơ khí. **D.** hóa chất.

Câu 26. Phát biểu nào sau đây ***không*** đúng với đặc điểm của thương mại?

A. Không gian hoạt động rộng lớn toàn cầu. **B.** Tạo được nhiều loại sản phẩm vật chất mới.

C. Mục đích chủ yếu là tìm kiếm lợi nhuận. **D.** Có mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ.

Câu 27. Sự vận chuyển thư tín, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa,...là sản phẩm của ngành kinh tế nào?

A. Ngân hàng. **B.** Tài chính. **C.** Viễn thông. **D.** Bưu chính.

Câu 28. Các hoạt động bán buôn bán lẻ, du lịch, các dịch vụ cá nhân như y tế, giáo dục , thể dục thể thao thuộc về nhóm ngành

A. dịch vụ cá nhân. **B.** dịch vụ tiêu dùng.

C. dịch vụ công. **D.** dịch vụ kinh doanh.

Câu 29. Ngành công nghiệp thường đi trước một bước trong quá trình công nghiệp hóa của các nước là

A. cơ khí. **B.** dệt. **C.** năng lượng. **D.** luyện kim.

Câu 30. Phát biểu nào sau đây ***không*** đúng với giao thông vận tải?

A. phục vụ mối giao lưu kinh tế - xã hội giữa các vùng.

B. đảm bảo mối liên hệ không gian, phục vụ con người.

C. là ngành sản xuất vật chất, tạo ra sản phẩm hàng hóa.

D. có vai trò lớn trong phân công lao động theo lãnh thổ.

Câu 31. Tổ chức lãnh thổ công nghiệp thể hiện sự phân bố của hoạt động sản xuất công nghiệp theo

A. tốc độ tăng trưởng. **B.** cơ cấu các ngành.

C. không gian lãnh thổ. **D.** thời gian phát triển.

Câu 32. Tài chính là hoạt động

A. phân phối giá trị các sản phẩm bằng tiền tệ. **B.** trao đổi hàng hoá giữa bên bán và bên mua.

C. sản xuất hàng hoá xuất khẩu và nhập khẩu. **D.** nhận tiền kí gửi và cung cấp các khoản vay.

Câu 33. Ngành công nghiệp giữ vai trò chủ đạo trong hệ thống công nghiệp trên thế giới ở thế kỉ XXI là

A. hóa chất. **B.** điện tử - tin học. **C.** sản xuất hàng tiêu dùng. **D.** cơ khí.

Câu 34. Ở nhiều nước trên thế giới ngành dịch vụ được chia thành

A. dịch vụ bán buôn bán lẻ, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

B. dịch vụ công, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

C. dịch vụ công, dịch vụ kinh doanh và dịch vụ tiêu dùng.

D. dịch vụ kinh doanh, dịch vụ sản xuất và dịch vụ tiêu dùng.

Câu 35. Đặc điểm nào sau đây ***không*** đúng với ngành dịch vụ?

A. Nhiều loại sản phẩm tồn trữ và lưu lại được.

B. Việc sản xuất và tiêu dùng diễn ra đồng thời.

C. Phần lớn sản phẩm là vô hình, phi vật chất.

D. Người tiêu dùng cũng tham gia vào sản xuất.

Câu 36. Ngành công nghiệp được xác định là ngành kinh tế quan trọng và cơ bản của các quốc gia là

A. điện tử tin học. **B.** cơ khí. **C.** công nghiệp năng lượng. **D.** luyện kim.

Câu 37. Sản phẩm nào sau đây thuộc vào lĩnh vực hoạt động bưu chính?

A. Điện thoại. **B.** Máy tính cá nhân. **C.** Internet. **D.** Thư báo.

Câu 38. Nhật Bản là một quốc đảo nên loại hình giao thông vận tải nào sau đây thuận lợi phát triển?

A. Đường biển. **B.** Đường sắt. **C.** Đường sông. **D.** Đường ôtô.

Câu 39. Ngành dịch vụ được mệnh danh " ngành công nghiệp không khói" là

A. buôn bán. **B.** du lịch. **C.** bảo hiểm. **D.** tài chính.

Câu 40. Những hoạt động nào sau đây được xếp vào nhóm dịch vụ tiêu dùng?

A. Giáo dục, y tế và bất động sản. **B.** Bán buôn, du lịch và giáo dục.

C. Tài chính, bán buôn và bán lẻ. **D.** Vận tải, bảo hiểm và viễn thông.

Câu 41. Ngành vận tải nào sau đây thuộc vào loại trẻ nhất?

A. Đường biển. **B.** Đường hàng không. **C.** Đường ô tô. **D.** Đường sống.

Câu 42. Ngoại thương là ngành làm nhiệm vụ

A. nhập khẩu hàng hóa từ các nước trên thế giới.

B. quan hệ ngoại giao với các nước trên thế giới.

C. xuất khẩu hàng hóa ra các nước trên thế giới.

D. trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.

Câu 43. Đặc điểm của du lịch là

A. phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên. **B.** hoạt động du lịch thường có tính mùa vụ.

C. chỉ giới hạn trong phạm vi quốc gia. **D.** hoạt động theo quy luật cung, cầu.

Câu 44. Đối tượng của giao thông vận tải là

A. con người và sản phẩm vật chất do con người tạo ra.

B. chuyên chở người và hàng hoá nơi này đến nơi khác.

C. các đầu mối giao thông đường bộ, hàng không, sông.

D. những tuyến đường giao thông ở trong và ngoài nước.

Câu 45. Đặc điểm chủ yếu của bưu chính là

A. vận chuyển bưu phẩm, bưu kiện với các phương tiện cần có.

B. sử dụng phương tiện, các thiết bị có sẵn ở trong không gian.

C. các thiết bị cung ứng dịch vụ từ xa, không gặp khách hàng.

D. liên quan trực tiếp đến các tầng khí quyển và những vệ tinh.

Câu 46. Giá rẻ, thích hợp với việc chuyên chở các hàng hóa nặng, cồng kềnh, không cần nhanh là ưu điểm của ngành vận tải

A. đường ôtô. **B.** đường biển. **C.** đường sắt. **D.** đường sông.

Câu 47. Nội thương là ngành làm nhiệm vụ nào sau đây?

A. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một quốc gia.

B. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ giữa các quốc gia.

C. Gắn thị trường trong nước với thị trường thế giới.

D. Trao đổi hàng hóa, dịch vụ trong một khu vực.

Câu 48. Ngành vận tải có khối lượng vận chuyển lớn nhất trên thế giới là

A. đường sắt. **B.** đường biển. **C.** đường ôtô. **D.** đường hàng không.

Câu 49. Ưu điểm lớn nhất của ngành hàng không là

A. an toàn và tiện nghi. **B.** tốc độ vận chuyển nhanh nhất.

C. ít gây ra những vấn đề về môi trường. **D.** vận chuyển được khối lượng hàng hóa lớn.

Câu 50. Khoáng sản được coi là "vàng đen" của nhiều quốc gia trên thế giới là

A. dầu khí. **B.** uranium. **C.** điện. **D.** than.

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1. Trình bày đặc điểm ngành công nghiệp

- Gắn liền với sử dụng máy móc và những tiến bộ của khoa học - công nghệ là động lực thúc đẩy sản xuất công nghiệp.

- Có tính chất tập trung cao độ, mức độ tập trung hoá, chuyên môn hoá, hợp tác hoá cao.

- Tiêu thụ khối lượng lớn nguyên nhiên liệu và năng lượng nên lượng phát thải ra môi trường nhiều.

- Có tính linh hoạt trong phân bố theo không gian.

Câu 2. Phân tích các tác động của công nghiệp đến môi trường

- Tác động tích cực: góp phần tạo ra môi trường mới hay góp phần cải thiện chất lượng môi trường.

- Tác động tiêu cực:

+ Trong quá trình sản xuất:gây ô nhiễm môi trường nhất là môi trường không khí và nước.

+ Khí thải từ các cơ sở công nghiệp gây ô nhiễm môi trường không khí; việc đốt cháy năng lượng hóa thạch gây hiệu ứng nhà kính, làm biến đổi khí hậu.

+ Nước thải công nghiệp, nhất là nước thải chưa qua xử lí chứa nhiều chất độc hại gây ô nhiễm môi trường đất, nước,...

+ Trong quá trình sử dụng: gây ảnh hưởng xấu đến môi trường do phần lớn sản phẩm là những vật liệu khó phân hủy.

Câu 3. Tại sao phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo

Cần chú trọng phát triển nguồn năng lượng tái tạo, vì:

- Việc sử dụng năng lượng hoá thạch làm cạn kiệt tài nguyên và gây ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu.

- Việc sử dụng các nguồn năng lượng tái tạo sẽ đem lại nhiều hiệu quả lớn đối với nền kinh tế và môi trường sinh thái:

+ Đảm bảo nguồn cung cấp năng lượng cho các ngành công nghiệp khác.

+ Đảm bảo an ninh năng lượng cho mỗi quốc gia.

+ Góp phần giảm phát thải khí nhà kính, giảm nhẹ biến đổi khí hậu.

Câu 4. Trình bày vai trò của ngành dịch vụ

- Phát triển nguồn nhân lực và phát triển con người, giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

- Góp phần khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường.

- Phát triển công nghiệp, nông nghiệp và thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

- Kết nối các hệ thống, yếu tố của các thành phần kinh tế, đáp ứng nhu cầu phát triển của kinh tế - xã hội.

- Thúc đẩy phân công lao động, toàn cầu hoá và hội - nhập quốc tế.

Câu 5. Phân tich các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ

a) Nhân tố: vị trí địa lí

- Ảnh hưởng đến sự phát triển các loại hình dịch vụ và sự phân bố mạng lưới các hoạt động dịch vụ.

b) Nhân tố: tự nhiên

- Điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các loại hình dịch vụ, đặc biệt là du lịch.

c) Nhân tố: kinh tế - xã hội

- Trình độ phát triển kinh tế: Quyết định sự phát triển và phân bố, tính đa dạng và quy mô các ngành dịch vụ.

- Đặc điểm dân số: ảnh hưởng đến: tốc độ phát triển, cơ cấu và mạng lưới phân bố các ngành dịch vụ; Sức mua, nhu cầu dịch vụ,...

- Thị trường: Phát triển thương mại và phân bố các loại hình dịch vụ.

- Vốn đầu tư: khuyến khích phát triển mạnh các ngành dịch vụ; phát triển dịch vụ trong nước và thế giới.

- Khoa học – công nghệ: Thay đổi phương thức sản xuất nhiều loại hình dịch vụ, phát triển dịch vụ có hàm lượng chất xám cao.

- Văn hóc, lịch sử: Hình thức tổ chức mạng lưới dịch vụ và sự phát triển, phân bố dịch vụ du lịch.

Câu 6. Trình bày ưu điểm và nhược điểm của ngành giao thông đường ô tô? Tại sao sự phát triển giao thông vận tải có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội miền núi?

a) Ưu điểm và nhược điểm của ngành giao thông đường ô tô

- *Ưu điểm:*

+ Sự thuận tiện và cơ động

+ Phù hợp với cự li vận tải trung bình và ngắn

+ Có khả năng phối hợp hoạt động với các loại hình vận tải khác.

- *Nhược điểm:*

+ Khối lượng chuyên chở không lớn như vận tải đường sắt, đường thuỷ

+ Tiêu thụ nhiều nhiên liệu gây ô nhiễm không khí

+ Gây ra tếng ồn và tai nạn giao thông,...

b) Sự phát triển giao thông vận tải có ý nghĩa rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế – xã hội miền núi, vì:

Giao thông vận tải ở miền núi được phát triển sẽ thúc đẩy sự giao lưu giữa các địa phương ở miền núi vốn có nhiều trở ngại do địa hình, giữa miền núi với đồng bằng, nhờ thế sẽ giúp phá được thể "cô lập", "tự cấp tự túc" của nền kinh tế.

Câu 7. Du lịch có vai trò quan trọng như thế nào trong đời sống kinh tế - xã hội hiện đại? Tại sao tài nguyên du lịch là nhân tố quan trọng để phát triển du lịch?

a) Vai trò

- Kích thích sự phát triển của nhiều ngành kinh tế, mang lại nguồn thu ngoại tệ, tăng nguồn thu ngân sách cho quốc gia và địa phương.

- Tạo nhiều việc làm, giảm nghèo, phục hồi sức khoẻ; tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, quốc gia.

- Góp phần khai thác, sử dụng hợp lí và hiệu quả tài nguyên; bảo vệ, khôi phục và tôn tạo môi trường (tự nhiên và nhân văn).

b) Tài nguyên du lịch là nhân tố quan trọng để phát triển du lịch, vì:

Tài nguyên du lịch là điều kiện cần thiết để phát triển và phân bố du lịch, là nhân tố cơ bản tạo nên các sản phẩm du lịch, thoả mãn nhu cầu của khách du lịch.

Câu 8. Cho bảng số liệu sau:

Cơ cấu giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của các châu lục năm 2019

(Đơn vị: %)

Châu lục	**Xuất khẩu**	**Nhập khẩu**
Châu Âu	42,6	39,9
Châu Á	35,3	33,0
Các châu lục khác	22,1	27,1
Tổng	100,0	100,0

a) Vẽ biểu đồ thể hiện cơ cấu giá trị xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa của các châu lục năm 2019

b) Nhận xét

BẢNG ĐẶC TẢ CUỐI HỌC KÌ 2 - NĂM HỌC 2023-2024
MÔN: ĐỊA LÍ - KHỐI 10

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	*Thông hiểu*	*Vận dụng*	*Vận dụng cao*
1	**Địa lí công nghiệp**	**- Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành công nghiệp.** **- Địa lí một số ngành công nghiệp.** **- Tổ chức lãnh thổ công nghiệp**	**Nhận biết** – Trình bày được đặc điểm, cơ cấu ngành công nghiệp. - Trình bày được đặc điểm của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. – Trình bày được quan niệm của tổ chức lãnh thổ công nghiệp. **Thông hiểu** – Trình bày được vai trò ngành công nghiệp. – Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển và phân bố công nghiệp. - Trình bày được vai trò của một số ngành: khai thác than, dầu khí, quặng kim loại; điện lực; điện tử, tin học; sản xuất hàng tiêu dùng; thực phẩm. **Vận dụng** – Phân tích được tác động của công nghiệp đối với môi trường, sự cần thiết phải phát triển mạnh các nguồn năng lượng tái tạo.	4	-	1*	-
2	**Địa lí ngành dịch vụ**	**Vai trò, đặc điểm, cơ cấu, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố ngành dịch vụ**	**Nhận biết** – Trình bày được cơ cấu, đặc điểm của dịch vụ. **Thông hiểu** – Trình bày được vai trò của dịch vụ. - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ.	4	1*	-	-

		Địa lí giao thông vận tải và bưu chính viễn thông	**Nhận biết** – Trình bày được đặc điểm của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. - Trình bày được tình hình phát triển và phân bố các ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông. **Thông hiểu** – Trình bày được vai trò của ngành giao thông vận tải, bưu chính viễn thông, bưu chính viễn thông.	4	1*	1*	-
		Thương mại, tài chính ngân hàng và du lịch	**Nhận biết** – Trình bày được vai trò của du lịch. **Thông hiểu** - Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng tới phát triển và phân bố dịch vụ. **Vận dụng** - Vẽ biểu đồ cơ cấu xuất nhập khẩu - Nhận xét	4	1*	-	1*
Số câu/ loại câu				16 câu TNKQ	2 câu TL	1 câu TL	1 câu TL
Tổng hợp chung				**40%**	**20%**	**20%**	**20%**